

MỤC LỤC

Chương I.....	5
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	5
1. Tên chủ Cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU KHÍ BÌNH THUẬN	5
2. Tên cơ sở: CỬA HÀNG XĂNG DẦU TÂN SƠN (gọi tắt là cơ sở).....	5
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	8
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	9
4.1. Nguyên, nhiên liệu của cơ sở.....	9
4.2. Nhu cầu sử dụng điện	9
4.3. Nhu cầu sử dụng nước.....	10
5. Các thông tin liên quan đến cơ sở	10
Chương II.....	12
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,.....	12
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	12
Chương III	14
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	14
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	14
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	14
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	14
1.2. Thu gom, thoát nước thải	14
1.3. Xử lý nước thải	15
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	18
2.1 Giảm thiểu ô nhiễm không khí từ hoạt động giao thông trong khu vực	18
2.2 Giảm thiểu khói bụi do hoạt động của máy phát điện dự phòng	18
2.3 Biện pháp giảm thiểu hơi phát sinh từ hoạt động kinh doanh xăng, dầu	19
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	19
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	21
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	23
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	24
6.1 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu (UPSCTD):	24
6.2 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:	26
6.3 Sự cố tai nạn lao động:	28
Chương IV	29
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	29
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	29
1.1 Nguồn phát sinh nước thải	29

1.2 Lưu lượng xả thải tối đa	29
1.3 Dòng nước thải	29
1.4 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	29
1.5 Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải	30
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	31
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	31
3.1 Nguồn phát sinh	31
3.2 Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung	31
3.3 Phương thức xử lý tiếng ồn, độ rung:	32
4. Nội dung cấp phép chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	32
Chương V	36
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	36
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	36
1.1. Quan trắc định kỳ môi trường nước thải	36
1.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động	36
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	36
CHƯƠNG VI	38
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	38
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	38
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	38
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	38
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ Cơ sở	39
Chương VII	40
KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	40
ĐỐI VỚI CƠ SỞ	40
Chương VIII	41
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	41
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	41
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan	41

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Hạng mục của công trình của cơ sở.....	6
Bảng 2. Chi tiết bể chứa xăng dầu.....	7
Bảng 3: Bảng nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở.....	9
Bảng 4. Nhu cầu sử dụng nước trong 03 tháng gần nhất của Cơ sở.....	10
Bảng 5: Bảng thông số kỹ thuật hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở.....	14
Bảng 6. Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 29:2010/BTNMT.....	17
Bảng 7: Thống kê chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	20
Bảng 8: Thống kê chất thải nguy hại (CTNH).....	21
Bảng 9: Thống kê trang thiết bị UPSCTD.....	24
Bảng 10: Thống kê trang thiết bị PCCC& CNCH.....	26
Bảng 11. Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 14:2008/BTNMT.....	30
Bảng 13: Thông số tiếng ồn của Cơ sở.....	31
Bảng 14: Thông số độ rung của Cơ sở.....	32
Bảng 15: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở (CTNH).....	33
Bảng 16: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở.....	33
Bảng 17: Kết quả quan trắc nước thải tại cơ sở.....	36
Bảng 18: Kết quả quan trắc mẫu khí thải xung quanh khu vực trụ bơm.....	37

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Quy trình nhập và bán lẻ xăng dầu.....	8
Hình 2: Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn.....	14
Hình 3. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở.....	15
Hình 4. Mô hình cấu tạo hầm tự hoại.....	16
Hình 5: Sơ đồ hệ thống bể lắng tách xăng dầu ra khỏi nước thải.....	17
Hình 6: Sơ đồ thu gom chất thải rắn thông thường tại Cơ sở.....	19
Hình 8: Khu vực lưu chứa CTNH.....	23

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

WHO:	Tổ chức y tế thế giới
BTNMT:	Bộ Tài nguyên và môi trường
UBND:	Ủy ban nhân dân
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
QĐ:	Quyết định
TT:	Thông tư
GPMT:	Giấy phép môi trường
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
BOD:	Nhu cầu Oxy sinh hóa
COD:	Nhu cầu Oxy hóa học
CTR:	Chất thải rắn
CTRNH:	Chất thải rắn nguy hại
XLNT:	Xử lý nước thải
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
PL:	Postlarva
UPSCTD:	Ứng phó sự cố tràn dầu
CHXD:	Cửa hàng xăng dầu

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ Cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐÀU KHÍ BÌNH THUẬN

- Địa chỉ văn phòng: số 97 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Doãn Văn Quảng

- Điện thoại: 0252.3828658; Fax: 0252.3828274; Mail:ctyxangdau-ftth-btn@vnn.vn

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 3400374220 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Thuận cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22/08/2023.

2. Tên cơ sở: CỬA HÀNG XĂNG DẦU TÂN SƠN (gọi tắt là cơ sở)

- Địa điểm cơ sở: Khu phố 5, thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, có tứ cận như sau:

- + Phía Bắc: Tiếp giáp nhà dân;
- + Phía Nam: Tiếp giáp nhà dân;
- + Phía Tây: Tiếp giáp đường Đ.27B;
- + Phía Đông: Tiếp giáp vườn cây.

- Cơ sở đã được xác nhận đổi tên và chủ sở hữu tại Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án cửa hàng xăng dầu Quảng Ninh tại công văn số 67/UBND-TH ngày 11/1/2022, đổi tên thành Cửa hàng xăng dầu Tân Sơn.

- Cơ sở đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cửa hàng xăng dầu Tân Sơn tại Quyết định số 1582/QĐ-DKVN ngày 18/3/2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, mã số địa điểm kinh doanh: 00004 đăng ký lần đầu ngày 14/1/2022.

- Cơ sở được UBND tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 07/GCNĐĐK-SCT cấp lần thứ nhất ngày 21/6/2017, cấp lần thứ 2 ngày 21/1/2022.

- Cơ sở đã ký hợp đồng thuê Cửa hàng xăng dầu với Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu Văn Sơn tại hợp đồng số 22/PVOILBT.CNNT-XDVAWNSON/12-21/B ngày 31/12/2021 về việc thuê cửa hàng xăng dầu Quảng Ninh (nay là CHXD Tân Sơn).

- Quy mô của cơ sở :

+ Cơ sở được xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 199/GPXD ngày 11/12/2009 của Sở xây dựng Ninh Thuận; diện tích đất của cơ sở là 2820m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

CV 159269, số vào sổ CT 04913, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 04/8/2020.

+ Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: Cơ sở thuộc lĩnh vực quy định tại Khoản 4 Điều 10 Luật Đầu tư công, tổng vốn đầu tư 1 tỷ đồng là dự án đầu tư **nhóm C** được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công (*có tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng*).

+ Phân loại tiêu chí quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Cơ sở thuộc danh mục dự án đầu tư **nhóm III** (*dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường*) quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường.

+ Căn cứ theo khoản 2 điều 39 luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường. Căn cứ theo khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn.

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

❖ Các hạng mục của công trình của cơ sở

Các hạng mục công trình của cơ sở được bố trí thành các khu vực: khu hành chính, sinh hoạt và khu bán hàng, cụ thể như sau:

Bảng 1: Hạng mục của công trình của cơ sở

STT	Tên công trình	Diện tích xây dựng (m²)	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng
1	Mái che trụ bơm	231	Móng bê tông cốt thép, mái tole, nền láng xi măng	4	1
2	Nhà làm việc	14	Tường gạch, móng đá chẻ, mái tole xi măng, nền lát gạch Ceramic.	4	1
3	Nhà vệ sinh	24	Tường gạch, móng đá chẻ, mái tole xi măng, nền lát gạch Ceramic.	4	1
4	Khu bồn chứa	35,1	Móng bê tông cốt thép, mái tole, nền láng xi măng	4	1

(Nguồn: Công ty)

❖ Công suất hoạt động của Cơ sở:

- Khu vực bể chứa chôn ngầm: 02 bể với tổng khối tích là 32m³. Hồ van chung có nắp đậy với kích thước 1,5m x 1m x 0,5m. Bể thép hình trụ được bảo quản bằng 02 lớp vải sợi thủy tinh chống ăn mòn và chôn ngầm dưới đất bằng hệ neo & dầm chống nổi bể; các bể được nối với hệ thống chống tĩnh điện lan truyền; các bể được lắp đặt hệ thống thu hồi hơi xăng dầu trong quá trình nhập hàng xuống bể chứa nhằm giảm thiểu hơi xăng dầu thoát ra môi trường và đảm bảo an toàn cháy nổ.

STT	Ký hiệu bể	Nhiên liệu bể chứa	Số lượng (Ngăn)	Dung tích ngăn (m ³)
1	BỂ 01 (Không ngăn)	Dầu Do 0,05%	1	16
2	BỂ 02 (Không ngăn)	Xăng ron 95	1	16
Tổng cộng				32

Bảng 2. Chi tiết bể chứa xăng dầu

- Hệ thống công nghệ nhập: 02 đường ống nhập kín ø90 bằng thép tráng kẽm được lắp đặt tại họng nhập từng bể chứa.

- Hệ thống van thở: 02 van thở thông hơi xăng dầu bằng ống thép tráng kẽm ø60 từ bể chứa ngầm ra các van thở.

- Hệ thống thu hồi hơi xăng dầu: 02 đường ống thu hồi hơi xăng dầu bằng thép tráng kẽm ø60 được lắp đặt thiết bị nổi kín với ống thu hồi hơi của phương tiện nhập.

- Khu vực nhà mái che cột bơm: Khu vực bán xăng dầu được kết cấu trụ bê tông cốt thép, mái lợp tôn, có chiều dài và chiều cao phù hợp để phương tiện ra vào thuận lợi, nền được kết cấu bằng bê tông chịu lực, hệ thống điện chiếu sáng đồng bộ.

- Số lượng cột bơm: Được lắp đặt 04 cột bơm điện tử, gồm 04 vòi bơm với công suất 40 - 70 lít/phút. Trong đó, 02 vòi bơm dầu Diesel 0,05S - II; 02 vòi bơm xăng Ron 95-III.

- Hệ thống đường ống công nghệ xuất: các đường ống xuất bằng ống thép ø49 được đặt trong hệ thống mương công nghệ bê tông từ các bể chôn ngầm dẫn đến cột bơm. Trong đó có: 02 đường ống xuất xăng Ron 95-III; 02 đường ống xuất dầu Diesel 0,05S-II.

- Sân bãi được đổ bê tông.

- Khu vực nhà làm việc: Nhà cấp 4, kết cấu 01 tầng, có diện tích 14m². Kết cấu xây dựng: Tường xây gạch, trụ bê tông cốt thép, trát vữa xi măng, nền gạch men, cửa nhôm lồng kính, la phong tôn chịu nhiệt. Hệ thống điện đi ngầm, 01 phòng bố trí làm phòng giao dịch bán hàng và 01 nhà vệ sinh.

- Hệ thống xử lý nước thải gồm mương thu gom nước mặt dẫn về bể xử lý ba ngăn và mương môi trường, lắng tách trước khi xả vào hệ thống nước khu vực.

- Hệ thống điện chiếu sáng dây đi trong ống nhựa chống cháy, đi ngầm.

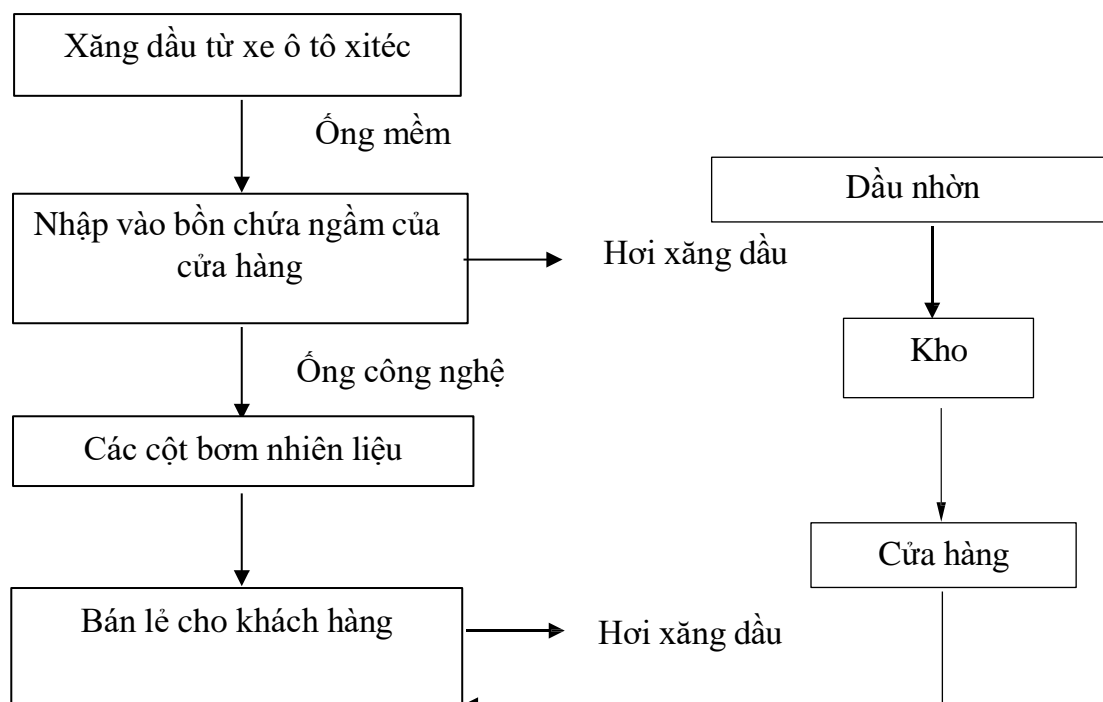
- Xung quanh cơ sở theo 03 hướng: Đông, Nam, Bắc có tường gạch bao bọc cao 2,2m.

- Ngoài ra cửa hàng còn trang bị 01 máy phát điện phục vụ việc bán hàng lúc mất điện lưới cũng như đảm bảo cho hoạt động phòng cháy chữa cháy.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

- Cơ sở được đầu tư xây dựng với mục đích kinh doanh, bán lẻ xăng dầu nhớt các loại với thời gian hoạt động: bắt đầu từ 5h sáng và kết thúc lúc 22h trong ngày để đáp ứng nhu cầu cho người và phương tiện tham gia giao thông.

- Quy trình nhập và bán lẻ xăng dầu tại cơ sở:



Hình 1. Quy trình nhập và bán lẻ xăng dầu

+ Xăng, dầu từ xe ô tô xitec chuyên dụng vận chuyển về cơ sở và được nhập vào bể chứa chôn ngầm bằng hệ thống nhập kín. Hệ thống nhập kín là hệ thống công nghệ bảo đảm quá trình nhập không phát tán hơi xăng dầu tại hòng nhập của bể mà chỉ cho một số ít hơi xăng dầu thoát ra tại van thở và vào trực tiếp bồn nhập của xe ô tô xitec. Xăng dầu từ xe ô tô xitec chảy qua ống mềm liên kết với hòng nhập bằng các khớp nối bảo đảm kín tuyệt đối và đi vào bể chứa. Sau đó, xăng dầu từ các bể chứa được xuất bán qua cột bơm điện tử bằng vòi cấp tự ngắt.

+ Hệ thống ống công nghệ xuất nhập, được thiết kế bằng ống thép chạy trong rãnh công nghệ và được lắp đặt theo đúng QC 01:2020/BCT. Máy bơm sử dụng là máy bơm ly tâm và có hiển thị bằng số điện tử.

+ Các bể đều được lắp đặt van thở trong có thiết bị ngăn tia lửa, lắp đặt hệ thống tiếp đất phòng chống sét đánh thẳng cho van thở và phòng chống tĩnh điện theo quy

định của QC 01:2020/BCT.

+ Dầu nhớt chứa trong các can/chai lưu trữ tại kho khi có khách hàng yêu cầu thì chờ đi tiêu thụ.

+ Hàng ngày nhân viên làm việc tại cơ sở kiểm tra khối lượng hàng tồn trong bể, tối thiểu 01 lần/ngày.

3.3 Sản phẩm của cơ sở:

- Sản phẩm cung ứng bao gồm: xăng Ron 95-III, dầu Diesel 0,05S-II và nhớt các loại.

- Tổng lượng xăng dầu bán ra khoảng 111m³/tháng (sản lượng bình quân tháng năm 2023), đáp ứng nhu cầu nhiên liệu của người dân địa phương, cũng như đóng góp ngân sách cho tỉnh Ninh Thuận.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên, nhiên liệu của cơ sở

- Nguyên liệu: Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở là bán sỉ lẻ xăng dầu nhớt các loại, nên nguyên liệu chính là sản lượng xăng dầu nhớt bán ra tại cơ sở.

- Nhiên liệu: Nhiên liệu phục vụ cho cơ sở chủ yếu là nước, điện, dầu DO, nhớt dùng để chạy máy phát điện.

- Cơ sở không sử dụng hoá chất để phục vụ cho quá trình hoạt động kinh doanh.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn điện cung cấp là điện lưới quốc gia chạy dọc đường Đ.27B.

- Đường điện chính: Trụ bê tông cốt thép, dây dẫn cáp đồng bọc, bố trí dọc theo trục đường chính đến cơ sở.

- Đường điện vào các khu sản xuất: bố trí dọc theo các nhánh kết cấu trụ bê tông, dây dẫn bọc đồng.

- Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở được thống kê trong 03 tháng (từ tháng 09 đến tháng 11/2024) như sau: (hoá đơn tiền điện trong 03 tháng được đóng kèm trong phần phụ lục)

Bảng 3: Bảng nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở

STT	Thời gian (ngày/tháng/năm)	Điện năng tiêu thụ (Kwh/tháng)	Trung bình điện năng tiêu thụ trong 1 ngày (kwh/ngày)
1	01/09/2024-30/09/2024	1113	37,1

2	01/10/2024-31/10/2024	1127	37,6
3	01/11/2024-30/11/2024	1010	33,7

(Nguồn: Công ty)

Ngoài ra, cơ sở có trang bị 01 máy phát điện có công suất 8KVA có thể chạy liên tục để cấp điện cho hoạt động kinh doanh khi có sự cố về lưới điện.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Tổng số lao động của cơ sở là 05 người, theo TCXDVN 33:2006 về “Cấp nước - Mạng lưới đường ống và Công trình”, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt là 100lít/người.ngày: $Q_{sh} = 100 \times 5 = 500$ lít/ngày = **0,5m³/ngày**.

Ngoài ra, cơ sở còn đón khách vãng lai vào giải quyết nhu cầu sinh hoạt, dự kiến khoảng 30 người/ngày, theo TCXDVN 33:2006 về “Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình” nhu cầu sử dụng nước của khách hàng là 40 lít/người.ngày: $Q_{shkh} = 30 \times 40 = 1.200$ lít/ngày = **1,2 m³/ngày**.

Tuy nhiên, lượng nước sử dụng thực tế theo hoá đơn sử dụng nước thì trung bình lượng nước sử dụng tại cơ sở khoảng 1,6 m³/ngày.

Nguồn cung cấp nước cho Cơ sở được sử dụng từ nguồn nước cấp của địa phương do Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường cung cấp.

Tổng nhu cầu nước sử dụng của cơ sở được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 4. Nhu cầu sử dụng nước trong 03 tháng gần nhất của Cơ sở

TT	Thời gian (tháng/năm)	Số m ³ nước trong 01 tháng	Trung bình lượng nước tiêu thụ trong 1 ngày (m ³)
1	9/2024	48	1,6
2	10/2024	50	1,7
3	11/2024	45	1,5

(Nguồn: Công ty)

5. Các thông tin liên quan đến cơ sở

Cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, mã số địa điểm kinh doanh: 00004 đăng ký lần đầu ngày 14/1/2022.

Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 07/GCNĐĐK-SCT cấp lần thứ nhất ngày 21/6/2017, cấp lần thứ 2 ngày 21/1/2022.

Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 159269, số vào sổ CT 04913, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 04/8/2020.

Cơ sở đã được xác nhận đổi tên và chủ sở hữu tại Bản cam kết bảo vệ môi

trường của dự án cửa hàng xăng dầu Quảng Ninh tại công văn số 67/UBND-TH ngày 11/1/2022, đổi tên thành Cửa hàng xăng dầu Tân Sơn.

Cơ sở đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cửa hàng xăng dầu Tân Sơn tại Quyết định số 1582/QĐ-DKVN ngày 18/3/2024.

Vị trí xây dựng Cơ sở phù hợp với Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 19/2/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt đề án “Quy hoạch phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, xét đến 2025”.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường: Hiện nay, Quy hoạch Bảo vệ môi trường quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường đang triển khai xây dựng, Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ năm 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 do UBND tỉnh đã xây dựng, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1319/QĐ-TTg, ngày 10/11/2023. Cơ sở phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

- Vị trí xây dựng của cơ sở phù hợp với Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 19/2/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt đề án “Quy hoạch phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, xét đến 2025”.

- Vị trí kinh doanh của cơ sở là đất thương mại dịch vụ phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

- Cơ sở hoạt động sẽ giải quyết công ăn việc làm cho lao động tại địa phương và vùng lân cận, nâng cao chất lượng cuộc sống cho lao động và người dân ở địa phương. Đồng thời, mang lại nguồn lợi kinh tế cho địa phương cũng như tỉnh nhà và đáp ứng được kịp thời việc tiêu thụ xăng dầu trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho các phương tiện giao thông đi lại và đặc biệt tác động tích cực đến phục vụ sản xuất công – nông – lâm nghiệp tại các khu vực lân cận.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Khả năng chịu tải của môi trường đối với nước thải:

Toàn bộ nước thải của cơ sở được xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT(B), áp dụng đối với CHXD không có dịch vụ rửa xe, trước khi thải vào môi trường.

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom và xử lý tại hầm tự hoại, sau đó tự thấm rút tại hầm chứa; nước thải phát sinh khi có sự cố tràn dầu xảy ra sẽ được thu gom về hố gạn dầu, nước thải sau xử lý sẽ thấm rút tại môi trường đất của cơ sở. Bên cạnh đó, lưu lượng nước thải sau xử lý lớn nhất (bằng với lượng nước cấp cho mục đích sinh hoạt) là 1,6 m³/ngày đêm tương ứng với 0,000021 m³/s là rất nhỏ. Cơ sở hoạt động trên đất liền, xung quanh không có sông, suối, biển, do đó, việc xả thải của cơ sở không gây tác động đáng kể đến môi trường xung quanh.

Khả năng chịu tải của môi trường đối với bụi và khí thải, tiếng ồn:

Các nguồn phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn của cơ sở chủ yếu từ hoạt động

giao thông, vận chuyển nhập nguyên liệu, xuất hàng hóa, máy phát điện dự phòng... làm gia tăng hàm lượng bụi, khí thải, tiếng ồn trong môi trường không khí của khu vực. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu đến môi trường không khí. Đồng thời, dự án nằm tại khu vực thông thoáng, có chất lượng nền không khí tương đối tốt nên khả năng tác động đến môi trường không khí khu vực là không đáng kể.

- Khả năng chịu tải của môi trường đối với chất thải rắn:

+ Hoạt động kinh doanh của Cơ sở phát sinh chất thải sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên; chất thải nguy hại giẻ lau dính dầu mỡ, cặn xăng dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, hộp mực in; ...

+ Chất thải rắn và chất thải nguy hại được tập kết vào các thùng chứa theo đúng mã quy định, chứa đựng đủ lượng rác thải phát sinh. Các thùng chứa có nắp đậy giảm thiểu mùi hôi phát sinh và các thùng để thuận lợi cho việc vận chuyển. Khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại đảm bảo các thùng phân loại dán nhãn, mã số... theo quy định. Chủ cơ sở tiếp tục hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại đúng theo quy định. Vì vậy, khả năng thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường, CTNH tại cơ sở gần như triệt để theo đúng quy định nhằm giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Qua những đánh giá trên cho thấy cơ sở hoàn toàn phù hợp với quy hoạch và khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận các nguồn chất thải của dự án.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

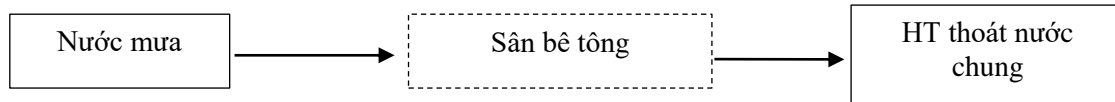
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Nước mưa trên các mái nhà và nước mưa chảy tràn trên nền sân bãi tại cơ sở sẽ theo độ dốc thiết kế thoát ra ngoài sau đó dẫn ra hệ thống nước chung của khu vực.

- Đối với nước mưa từ các mái nhà: được thu gom bằng ống uPVC D114 xuống sân bê tông phía trước cơ sở, sân bê tông được thiết kế có độ dốc thoát ra ngoài về hệ thống mương thoát nước mưa của địa phương dọc cơ sở.

- Đối với nước mưa chảy tràn trên bề mặt: toàn bộ nước mưa chảy tràn của cơ sở đều được chảy tràn về hướng hệ thống thoát nước chung khu vực Cơ sở.



Hình 2: Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn

Bảng 5: Bảng thông số kỹ thuật hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở

TT	Loại ống	Đơn vị	Số lượng
1	Ống uPVC D114	m	80
2	Sân bê tông	m ²	250

(Nguồn: Công ty)

1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Công trình thu gom nước thải:

Nước thải của cơ sở phát sinh chủ yếu từ các khu vệ sinh công cộng và nước thải nhiễm dầu khi sự cố tràn dầu xảy ra.

+ Nước thải từ khu vệ sinh công cộng sẽ được thu gom theo tuyến ống uPVC 114 về hầm tự hoại.

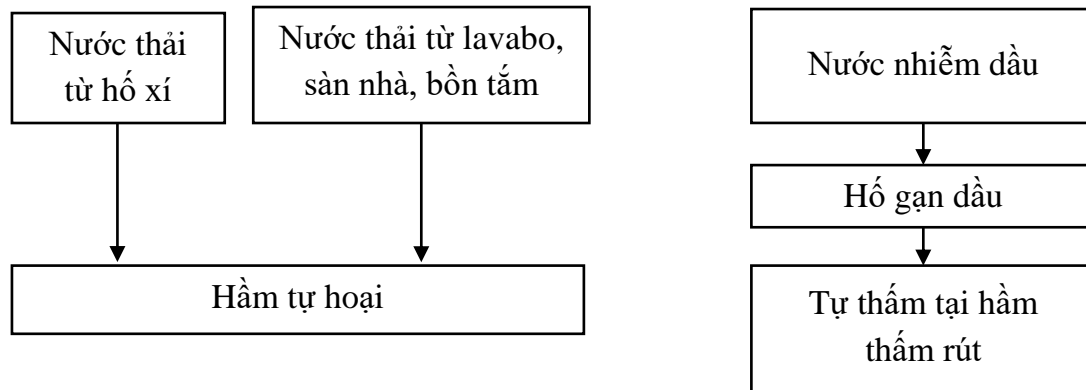
+ Nước thải nhiễm dầu theo rãnh môi trường được thu gom về hố gạn dầu, mương môi trường dài khoảng 20m.

- Công trình thoát nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hầm tự hoại cho tự thấm vào môi trường đất.

+ Nước thải nhiễm dầu sau khi được tách dầu sẽ chảy tràn vào hầm thấm rút, cho tự thấm vào môi trường đất.

+ Điểm xả nước thải sau xử lý: Nước thải sinh hoạt sau xử lý và nước thải nhiễm dầu sau xử lý sẽ cho tự thấm vào môi trường đất.



Hình 3. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở

1.3. Xử lý nước thải

- *Xử lý nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ hoạt động của nhân viên và khách đến đổ xăng, tuy nhiên phát sinh rất ít, chỉ khoảng $1,6\text{m}^3/\text{ngày}$, tương đương với lượng nước thải của hộ gia đình, do đó, lượng nước thải này sẽ được xử lý bằng công trình xử lý tại chỗ là hầm tự hoại.

+ Cơ sở đã xây dựng hầm tự hoại với kích thước $3,0\text{m}^3$: $(D \times R \times C = 2,3\text{m} \times 1,3\text{m} \times 1\text{m})$.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh và hoạt động vệ sinh cá nhân, hố xí sẽ được dẫn về hầm tự hoại.

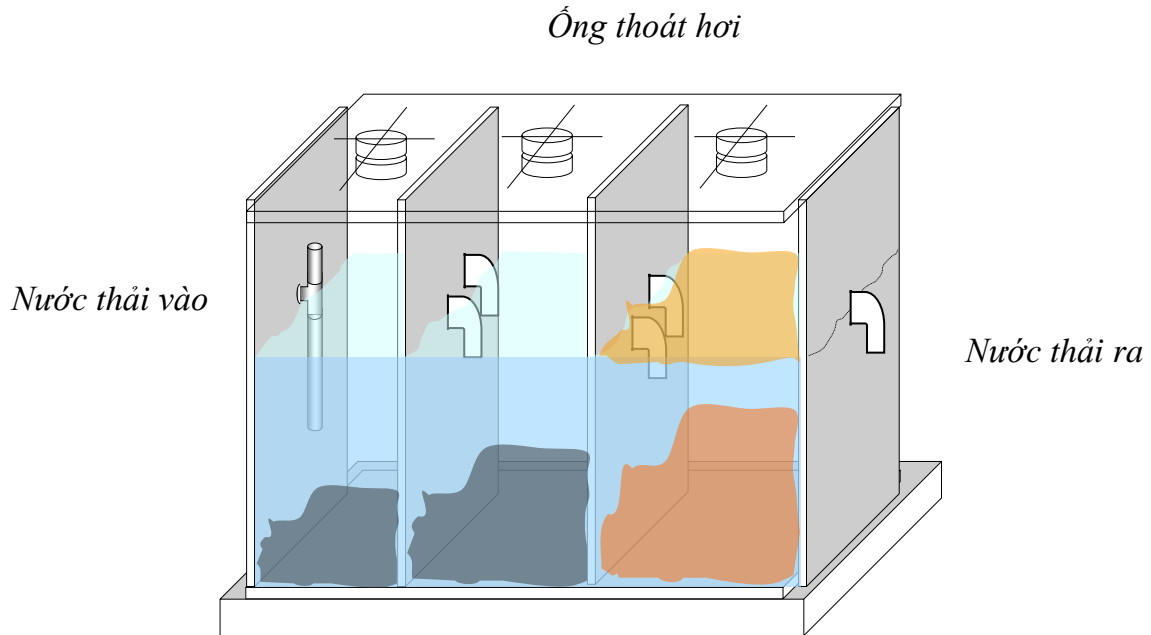
+ Bể tự hoại 03 ngăn được cấu tạo gồm 03 ngăn chính trong đó ngăn chứa và lên men cặn chiếm $\frac{1}{2}$ thể tích bể, ngăn lắng và ngăn lọc mỗi ngăn chiếm $\frac{1}{4}$ thể tích bể. Bể được xây dựng bằng gạch đặc, trát thành bể bằng vữa bê tông.

+ Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng. Hiệu quả xử lý theo chất lơ lửng đạt 65 – 70% và theo BOD_5 là 60 – 65%.

+ Ngăn đầu tiên của bể tự hoại có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Thời gian lưu nước trong bể khoảng 20 ngày thì 95% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 6-8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải ở trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.

+ Cặn lắng ở dưới đáy bể bị phân hủy yếm khí khi đầy bể, sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút đáy xử lý. Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy làm sạch các chất hữu cơ trong nước.

+ Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại, nồng độ chất ô nhiễm đã được giảm bớt, sau đó tự thấm vào môi trường đất tại cơ sở.

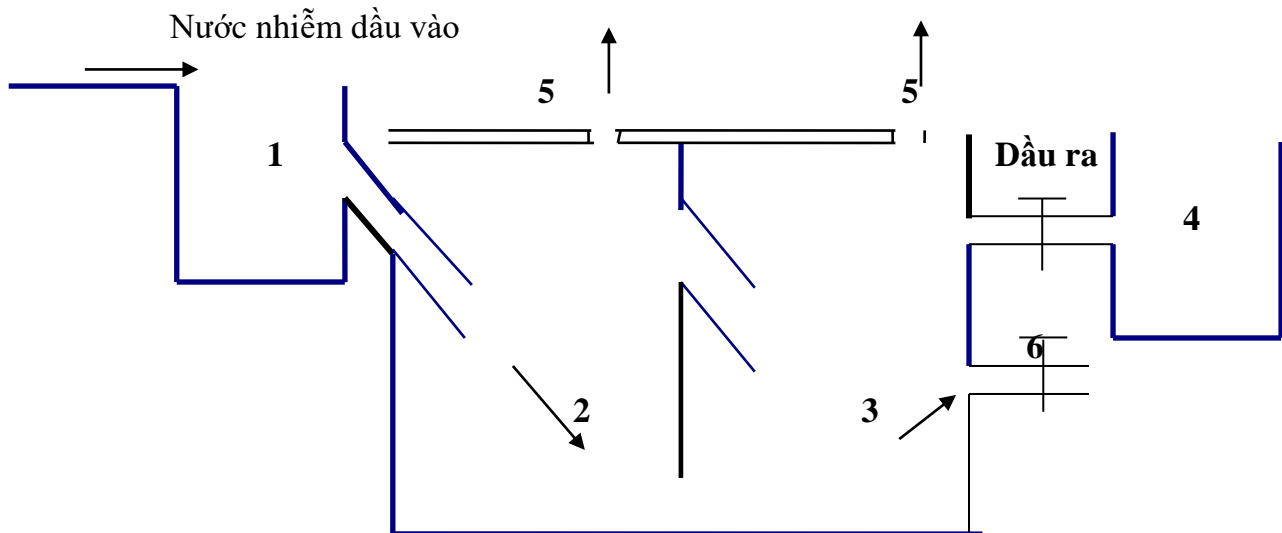


Hình 4. Mô hình cấu tạo hầm tự hoại

- *Xử lý nước thải nhiễm dầu:* Nước thải nhiễm dầu trong trường hợp gặp sự cố tràn dầu sẽ được thu gom và xử lý tại hố gạn dầu, tuy nhiên trường hợp bị sự cố là rất hiếm xảy ra.

+ *Bể lắng tách xăng dầu tràn (hố gạn dầu):* Hệ thống bể lắng tách xăng dầu được thiết kế đầy đủ theo QC01: 2013/BCT. Đầu tiên nước thải theo đường ống chảy vào hố gaz (1), mục đích để loại trừ các chất thải có kích thước lớn; sau đó được dẫn vào bể 2 để tiếp tục lắng lọc đất cát. Nơi đây xăng dầu và nước đi vào bể 3; tại bể 3 tách được xăng dầu ra khỏi nước và được vớt hoặc hút lấy ra cùng với cặn ở bể 2 & 3 được lấy bằng phương pháp thủ công và được bỏ vào thùng chứa chất thải nguy hại, quản lý theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Bể lắng tách có dung tích 02m³ (D×R×C: 2m×1m×1m). Bể chứa nước nhiễm dầu có thiết kế van khóa, để ngăn nước thải chưa đảm bảo chất lượng chảy tràn ra môi trường, tại đây nước nặng hơn nằm phía dưới theo vòi dẫn chảy vào hầm thấm rút và tự thấm vào môi trường đất.

Hình 5: Sơ đồ hệ thống bể lắng tách xăng dầu ra khỏi nước thải



- | | | |
|-----------------|---------------------------|------------------|
| 1. Hô gas | 3. Bể tách nước, dầu. | 5. Lỗ thông hơi. |
| 2. Bể lắng cặn. | 4. Bể chứa nước nhiễm dầu | 6. Van khoá |

+ Kết cấu: Bể lắng tách có dung tích 2,0m³ (D×R×C: 2m×1m×1m), các bể được chủ đầu tư xây dựng đúng quy cách: các bể đều trám đáy, được đúc bê tông kiên cố. Quy mô hoạt động của cửa hàng tương đối nhỏ lượng nước thải phát sinh không thường xuyên và đều đặn nên việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải như trên là hoàn toàn phù hợp với thực tế, ít ảnh hưởng đến môi trường.

+ Nước sau khi được xử lý sẽ đạt chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT, cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và CHXD trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

+ Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn nước thải sau xử lý: Nước thải sau xử lý đạt: QCVN 29:2010/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và CHXD, chi tiết được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 6. Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 29:2010/BTNMT

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe
01	pH	-	5,5 - 9
02	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	150
03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
04	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

Nguồn: QCVN 29:2010/BTNMT

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Cơ sở không có các công trình xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, cơ sở đã áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu bụi, khí thải tại cơ sở như sau:

2.1 Giảm thiểu ô nhiễm không khí từ hoạt động giao thông trong khu vực

- Toàn bộ khuôn viên cơ sở đã được bê tông hóa. Ngoài ra, cơ sở cũng đã trồng một số cây xanh nhằm hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như SO₂, CO₂, hợp chất chứa nitơ, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe,...

- Thường xuyên tưới rửa sân bê tông để ngăn ngừa bụi phát tán khi các phương tiện giao thông ra vào cơ sở.

- Quy định tốc độ khoảng 5km/h khi các xe lưu thông trong khuôn viên Cơ sở.

- Các loại xe tải chở nguyên vật liệu, xe máy nhân viên được đậu theo quy định tại nhà để xe nằm phía ngoài của Cơ sở, không có phương tiện di chuyển nội bộ trong khuôn viên Cơ sở. Việc làm này nhằm giảm thiểu tiếng ồn và khí thải phát sinh từ các loại phương tiện cơ giới, đảm bảo môi trường không khí tốt phục vụ cho quá trình nuôi. Khi xe vào Cơ sở được tắt máy nhằm hạn chế khí thải ra môi trường.

2.2 Giảm thiểu khói bụi do hoạt động của máy phát điện dự phòng

Máy phát điện dự phòng của dự án chỉ được vận hành khi có sự cố mất điện lưới. Do đó, nguồn ô nhiễm phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ mang tính gián đoạn, không thường xuyên, mức độ tác động đến môi trường không cao. Tuy nhiên, để giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng, Cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

+ Sử dụng loại dầu DO có tỷ lệ %S= 0,05 để giảm nồng độ SO₂ trong khói thải;

+ Sử dụng ống khói cho máy phát điện;

+ Vị trí máy phát điện đặt cuối cơ sở và đặt cách xa so với các khu vực làm việc;

+ Để hạn chế lượng khí thải ô nhiễm phát sinh từ máy phát điện cơ sở đã đầu tư mua máy mới;

+ Máy phát điện được đặt trong phòng có tường dày và được đặt trên bệ bê tông chắc chắn, có đế cao su đàn hồi để giảm độ rung, hạn chế tiếng ồn khi máy phát điện hoạt động;

+ Thường xuyên kiểm tra định kỳ, bảo trì, bảo dưỡng để phát hiện và giải quyết kịp thời sự cố;

+ Bố trí chụp hút, đường ống dẫn thoát ra ngoài môi trường không khí bên ngoài qua ống khói;

+ Khu vực nhà máy phát điện đều có bố trí bình chữa cháy đảm bảo an toàn Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ.

2.3 Biện pháp giảm thiểu hơi phát sinh từ hoạt động kinh doanh xăng, dầu

+ Bồn chứa được chôn ngầm, khu vực bể chứa thông thoáng, lắp đặt hệ thống nhập kín và thu hồi hơi, hệ thống ống thoát có van chặn ngăn cháy, chiều cao đường ống đảm bảo theo QC 01:2020/BCT.

+ Thường xuyên kiểm tra bồn xăng, dầu; đường ống dẫn xăng, dầu; súng bơm xăng dầu,...nhằm phát hiện kịp thời sự cố xảy ra.

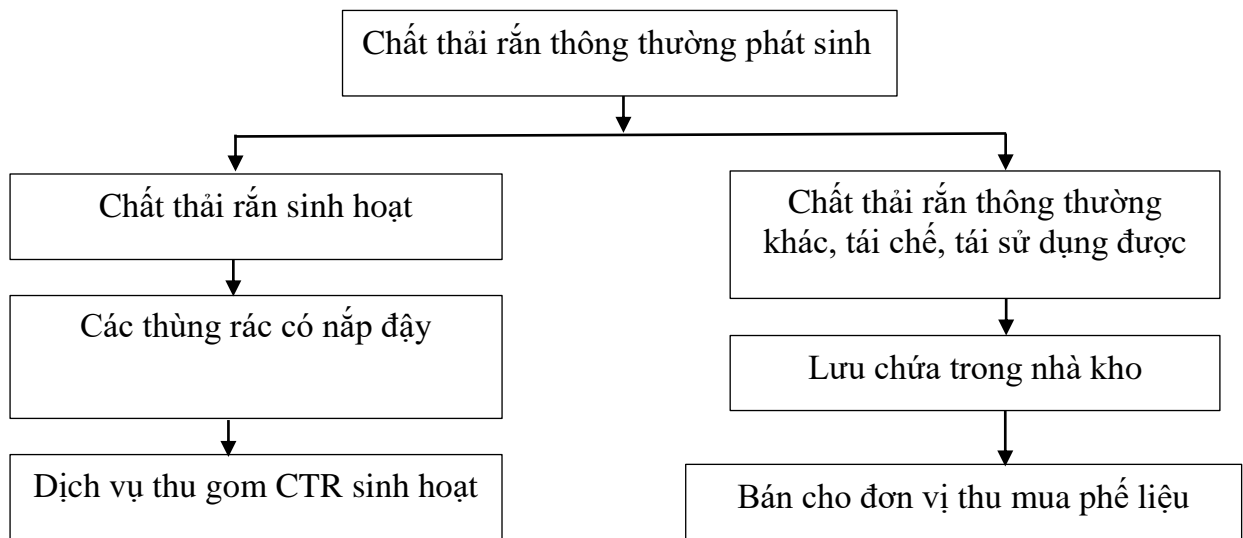
+ Thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, thoát nước mưa và định kỳ phun xịt khử chất khử trùng khu vực cống rãnh thoát nước trong khuôn viên cơ sở.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho nhân viên (khẩu trang, mũ, quần áo...)

+ Thường xuyên khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Toàn bộ rác thải sinh hoạt, rác thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đều được thu gom, tập trung tại kho chứa. Đơn vị thực hiện phân loại, lưu giữ khi có phát sinh các loại chất thải rắn theo quy định tại Luật BVMT năm 2020. Cụ thể quy trình thu gom đối với từng loại như sau:



Hình 6: Sơ đồ thu gom chất thải rắn thông thường tại Cơ sở

- *Biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt*

+ *Nguồn phát sinh:* Chất thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động hằng ngày của nhân viên làm việc trong cơ sở. Thành phần chính chủ yếu gồm vỏ trái cây, thức ăn dư thừa, bao bì, túi nilon, giấy, vỏ hộp,...

+ *Khối lượng phát sinh:* Hoạt động sinh hoạt của 05 nhân viên làm việc tại cơ sở phát sinh một lượng chất thải rắn sinh hoạt ước tính khoảng 1,0 kg/người/ngày. Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh 01 ngày của Cơ sở là 5kg/ngày.

Bảng 7: Thống kê chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	CTRSH	Khối lượng (kg/ngày)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH
1	Thức ăn thừa	2,0	Công ty TNHH Xây dựng- Thương mại và Sản xuất Nam Thành Ninh Thuận
2	- Chai nhựa, túi ni lông, chai nước uống. - Giấy	1,0	Cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương
3	Các loại bao bì bánh kẹo, giẻ lau, áo quần cũ, các vật dụng sinh hoạt hư cũ thải bỏ, vỏ trái cây, vỏ rau củ...	2,0	Công ty TNHH Xây dựng- Thương mại và Sản xuất Nam Thành Ninh Thuận.
Tổng số lượng		5,0	

(Nguồn: Công ty)

- *Biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý:*

+ Bố trí thùng chứa chất thải bằng nhựa có khối tích > 50 kg có nắp đậy bên hông nhà bán hàng;

+ Để hạn chế chất thải sinh hoạt phát sinh và đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực dự án, cơ sở tiến hành thực hiện các biện pháp sau:

- Yêu cầu nhân viên và khách đến đổ xăng bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt bừa bãi;

- Cuối mỗi ngày làm việc, tập kết tất cả rác thải sinh hoạt được thu gom tập trung về khu vực chứa rác;

- Hợp đồng với đơn vị địa phương đến thu gom hàng ngày và xử lý đúng quy định;

- Đối với rác thải được phân loại là lon bia, nước ngọt, bao bì giấy được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu;

- Để tránh tình trạng chất thải rắn tràn lan hay bị phân huỷ bởi các thành phần trong môi trường, toàn bộ lượng chất thải phát sinh trong cơ sở được gom tối thiểu 1 lần/ngày. Đồng thời bố trí nhân viên dọn dẹp, thu gom rác thừa rơi vãi sau khi thu gom và vệ sinh khu vực tập kết rác tránh gây ra mùi hôi, mỹ quan của cơ sở.



• Hình 7: Khu vực lưu chứa rác thải sinh hoạt

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- *Nguồn phát sinh:* Trong quá trình hoạt động của Cơ sở phát sinh ra một lượng chất thải nguy hại từ hoạt động kinh doanh như: giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, pin, thùng đựng nhiên liệu bôi trơn,....

- *Khối lượng phát sinh:* Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh ước tính khoảng 4kg/năm, được thống kê tại bảng sau.

Bảng 8: Thông kê chất thải nguy hại (CTNH)

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
Hộp mực in thải nhiễm TPNH	08 02 04	0	Thu gom, phân loại lưu chứa và hợp đồng xử lý theo quy định	Hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển và xử
Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính	16 01 06	1		
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải từ quá trình bảo trì	17 02 03	0		

Vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu nhớt, bùn thải	18 02 01	3		lý
Sơn, chất kết dính chứa TPNH	16 01 09	0		
Tổng số lượng		4		

(Nguồn: Chứng từ thu gom CTNH năm 2023)

- *Biện pháp lưu giữ:*

+ Chất thải nguy hại được thu gom, dán nhãn, ghi mã số sau đó lưu trong các thùng chứa có dung tích 20 lít. Thực hiện đúng trách nhiệm của chủ nguồn thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

+ Khu vực lưu chứa CTNH có diện tích 2m² (2m x 1m), kết cấu: có mái che, nền được tráng vữa chống thấm nước, có gờ cao không để nước mưa chảy tràn cuốn theo chất thải nguy hại;

+ Lượng CTNH được thu gom theo tính chất của từng loại chất thải, tùy theo tính chất hóa học và trạng thái vật lý (rắn, lỏng) để có phương án thu gom thích hợp;

+ Việc thu gom cần hết sức chú ý nhằm tránh tràn đổ, rò rỉ hay gây ra cháy nổ;

+ Dán nhãn trên các thùng chứa, bao chứa CTNH và hóa chất thải bỏ được dán nhãn để đơn vị thu gom dễ dàng trong công tác vận chuyển và bảo quản, đồng thời ghi rõ các hiệu lệnh cảnh báo để tránh xảy ra các sự cố đáng tiếc;

+ Vị trí khu vực lưu trữ: khu vực lưu trữ được bố trí nằm tách biệt với khu văn phòng;

+ Khu vực lưu trữ có lắp đặt các thiết bị chiếu sáng, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định tại khu vực CTNH.

- *Xử lý CTNH.*

Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường xanh PEDACO tại Hợp đồng số 30/2024/HĐKT/PDC-DKBT ngày 05/02/2024 để thu gom và xử lý chất thải nguy hại cho cơ sở với tần suất 01 lần/năm. (hợp đồng được đóng kèm trong phần phụ lục).



Hình 8: Khu vực lưu chứa CTNH

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- *Nguồn phát sinh:* Tiếng ồn, độ rung chủ yếu phát sinh từ các hoạt động phương tiện xe ra vào Cơ sở và hoạt động của máy phát điện (dự phòng)

- *Biện pháp giảm thiểu:* Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông, máy phát điện dự phòng..., chủ Cơ sở đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

+ Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc nhằm hạn chế độ rung;

+ Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện thường xuyên nhằm phát hiện kịp thời các sự cố gây ra ồn, rung lớn;

+ Hoạt động ra vào của xe tải, xe máy vào Cơ sở tắt máy theo đúng quy định;

+ Máy phát điện được đặt tại vị trí riêng biệt, để tránh làm ảnh hưởng tiếng ồn đến khu vực xung quanh.

- *Tiếng ồn phát sinh tại các khu vực khác trong cơ sở:*

+ Tiếng ồn phát sinh từ sinh hoạt hằng ngày của nhân viên, khách đến đổ xăng và các phương tiện lưu thông trên đường Đ.27B, tuy nhiên, loại ô nhiễm này khó kiểm

soát và thường thì không gây ảnh hưởng và tác động xấu đến môi trường nên được xem là không đáng kể, biện pháp chống ồn thường được áp dụng là trồng cây xung quanh khu vực và có khoảng cách ly an toàn đối với nguồn gây ồn;

+ Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn và độ rung của cơ sở được áp dụng theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn hạn chế tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Trong quá trình hoạt động của Cơ sở sẽ phát sinh nhiều nguyên nhân có thể gây ra các sự cố như: sự cố tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố rò rỉ hóa chất... Để phòng ngừa và khắc phục các sự cố có thể xảy ra này, chủ Cơ sở đã xây dựng kế hoạch, các phương án để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại cơ sở như sau:

6.1 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu (UPSCTD):

+ Cơ sở đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cửa hàng xăng dầu Tân Sơn tại Quyết định số 1582/QĐ-DKVN ngày 18/3/2024.

+ Trang bị phương tiện UPSCTD, cụ thể:

Bảng 9: Thống kê trang thiết bị UPSCTD

STT	Thiết bị, phương tiện	ĐVT	Số lượng	Đặc trưng kỹ thuật	Nơi bố trí thiết bị, phương tiện
1	Chất thấm dầu/hóa chất trên bề mặt Premium Kleen Sweep	Bao	03	Bao 10 kg (Khả năng thấm hút 30-40 lít/bao)	Nơi làm việc
2	Tấm thấm dầu	Chiếc	10	Kích thước 40cm x 50cm x 0.5cm	Nơi làm việc
3	Phao thấm dầu	Chiếc	02	Kích thước 7.6cm x 1.2cm	Nơi làm việc
4	Gói thấm dầu	Chiếc	02	Kích thước 20cm x 25cm	Nơi làm việc
5	Gàu xúc & Chổi	Bộ	01		Nơi làm việc
6	Găng tay PVC	Đôi	01		Nơi làm việc

STT	Thiết bị, phương tiện	ĐVT	Số lượng	Đặc trưng kỹ thuật	Nơi bố trí thiết bị, phương tiện
7	Kính bảo hộ	Chiếc	01		Nơi làm việc
8	Bao đựng chất thải nguy hại	Bộ	10		Nơi làm việc
9	Hướng dẫn sử dụng	Bộ	01		Nơi làm việc
10	Thùng chứa có bánh xe màu cam	Chiếc	01	120 lít	Nơi làm việc

+ Tổ chức quán triệt và diễn tập các tình huống UPSCTD đã xây dựng, cơ bản với các bước sau:

- *Bước 1: Thông báo, báo động:*

- ✓ Thông báo nội bộ: Bất cứ cá nhân nào khi phát hiện sự cố đều phải thông báo kịp thời đến ban lãnh đạo, cửa hàng trưởng và các nhân viên trong cửa hàng.

- ✓ Thông báo đến các cơ quan quản lý có liên quan: Khi sự cố vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở, thì cửa hàng trưởng phải nhờ sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý có liên quan như: Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn, Công an huyện Ninh Sơn, Phòng cảnh sát PCCC Công an tỉnh (trường hợp cháy, nổ, cứu nạn), Ban chỉ huy Phòng chống Thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Công thương, Sở Tài nguyên và Môi trường...

- ✓ Thông báo đến các khu vực lân cận: Dùng loa thông báo đến các khu vực lân cận để các đối tượng xung quanh và lân cận chủ động phòng ngừa, ứng phó sự cố. Như thế người dân sẽ có thời gian để sơ tán người già và trẻ em ra khỏi khu vực có khả năng dầu tràn đi qua.

- ✓ Ngoài việc kêu gọi hỗ trợ từ các cơ quan, Cơ sở phải kêu gọi hỗ trợ từ các đơn vị của các CHXD lân cận bên ngoài.

- *Bước 2: Xử lý sự cố*

Đội trưởng đội ứng phó tràn dầu cơ sở lập tức huy động lực lượng có mặt tại hiện trường thực hiện mọi khả năng hiện có để chặn đứng nguồn gây dầu tràn bằng các thiết bị, công cụ ứng phó sự cố tràn dầu.

- *Bước 3:*

Các chất thấm dầu và dầu bẩn được thu gom, lưu trữ tại các phuy chứa chất thải nguy hại được bố trí tại khu vực dành riêng có mái che tránh nắng mưa chiếu trực tiếp. Thùng phuy chứa chất thải nguy hại phải đảm bảo không bị rò rỉ, không bị tràn hoặc

gây ô nhiễm ra môi trường đất và nước ngầm. Sau đó Cơ sở hợp đồng với đơn vị đủ điều kiện hành nghề vận chuyển, xử lý tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định.

- *Bước 4: Báo cáo sự cố*

Sau khi ngăn chặn được nguồn dầu tràn và làm sạch hiện trường thì chỉ huy hiện trường có nhiệm vụ báo cáo đến các bên có liên quan – khi đó hoạt động của các phương tiện bơm xuất tại cửa hàng mới được phép tiếp tục hoạt động.

- *Bước 5: Bồi thường thiệt hại*

Ban chỉ huy ứng phó khẩn cấp phân công chỉ huy hiện trường và cửa hàng trưởng phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức công tác tiến hành, công tác đánh giá mức độ ảnh hưởng đến môi trường do sự cố gây ra, điều tra thống kê các thiệt hại kinh tế và công tác xử lý làm sạch môi trường sau sự cố; Giải quyết khiếu nại liên quan đến công tác đền bù thiệt hại (nếu có): Kinh phí giải quyết bồi thường thiệt hại sẽ do cơ quan bảo hiểm chi trả và từ nguồn tài chính của doanh nghiệp.

- *Bước 6: Kết thúc ứng phó*

Cửa hàng trưởng sẽ là người chịu trách nhiệm ra quyết định kết thúc các hoạt động ứng phó. Riêng trong trường hợp có sự trợ giúp của lực lượng chức năng thì người ra quyết định tạm dừng ứng phó sẽ do lực lượng chức năng quyết định. Có thể căn cứ vào tình hình cụ thể để quyết định việc tạm dừng hoặc kết thúc hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu tại một, nhiều khu vực hay toàn bộ chiến dịch ứng phó.

6.2 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

+ Phương tiện chữa cháy được trang bị tại cơ sở đảm bảo theo quy định tại QC 01:2020/BCT, bao gồm:

Bảng 10: Thống kê trang thiết bị PCCC& CNCH

STT	Thiết bị, phương tiện	ĐVT	Số lượng	Đặc trưng kỹ thuật	Nơi bố trí thiết bị, phương tiện
1	Bình chữa cháy MFZT 35	Bình	02	Bình bột	Khu vực cột bơm, nhà để máy phát điện
2	Bình chữa cháy MFZ 4	Bình	05	Bình bột	Khu vực cột bơm, nhà làm việc
3	Bình chữa cháy MFZ 8	Bình	02	Bình bột	Khu vực cột bơm
4	Bình chữa cháy	Bình	02	Bình khí	Khu vực bồn chứa, nhà

	CO ₂				đề máy phát điện
5	Bi cát	Cái	02	Cát khô	Khu vực cột bơm
6	Bể chứa nước	BỂ	01	Nước	Khu vực bồn chứa
7	Xềng	Cái	02	Cán tre sơn đỏ	Khu vực bán hàng
8	Chăn	Cái	04		Khu vực bán hàng
9	Xô	Cái	02		Khu vực bồn chứa
10	Quần áo, nón, ủng, gang tay chữa cháy	Bộ	05		Đặt tại nhà làm việc
11	Mặt nạ lọc độc	Cái	03		Đặt tại nhà làm việc
12	Đèn pin	Cái	01		Đặt tại nhà làm việc
13	Rìu cứu nạn	Chiếc	01		Tủ đựng dụng cụ phá dỡ
14	Xà beng	Chiếc	01		Tủ đựng dụng cụ phá dỡ
15	Búa tạ	Chiếc	01		Tủ đựng dụng cụ phá dỡ
16	Kìm cộng lực	Chiếc	01		Tủ đựng dụng cụ phá dỡ
17	Túi sơ cứu loại A	Túi	01		Đặt tại nhà làm việc

- + Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về an toàn phòng cháy.
- + Xây dựng kế hoạch và định kỳ kiểm tra các phương tiện, thiết bị PCCC.
- + Đường nội bộ trong cơ sở được thiết kế rộng, đảm bảo xe chữa cháy ra vào dễ dàng.
- + Không: sử dụng nguồn điện của CHXD để sạc các phương tiện xe máy, xe đạp điện cá nhân và ô tô điện (chỉ được sạc tại các trụ sạc điện của Vinfast đã được cấp giấy phép theo quy định pháp luật); sạc pin điện thoại, thiết bị điện tử cá nhân qua đêm tại Văn phòng và CHXD.

+ Cửa hàng trường CHXD thường xuyên tổ chức kiểm tra, rà soát: Hệ thống điện, trụ bơm, hệ thống công nghệ (nhập – xuất – thờ), hệ thống tiếp địa – chống sét, thiết bị chữa cháy ban đầu, ứng phó tràn dầu. . . đặc biệt chú ý đến trạm sạc điện của Vinfast (đối với các CHXD có trạm sạc Vinfast). Đảm bảo các phương tiện, thiết bị hoạt động tốt, an toàn khi hoạt động; không để vật dụng khác che chắn hoặc cản trở các thiết bị chữa cháy, đảm bảo sẵn sàng ứng cứu trong trường hợp khẩn cấp.

+ Các thiết bị sử dụng điện tại phòng làm việc phải được ngắt ra khỏi nguồn điện khi người làm việc không còn trong phòng/rời khỏi nơi làm việc; sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp các dụng cụ, trang thiết bị khi không sử dụng.

+ Thực hiện đúng quy trình xuất nhập hàng hoá, đảm bảo khoảng cách an toàn phòng cháy.

+ Nhân viên được tập huấn nghiệp vụ an toàn phòng cháy và chữa cháy.

6.3 Sự cố tai nạn lao động:

Để phòng ngừa sự cố tai nạn lao động. Cơ sở áp dụng các biện pháp sau:

- Quy định các nội quy làm việc tại Cơ sở, nội quy về trang phục bảo hộ lao động, nội quy về tiêu độc, khử trùng, nội quy về an toàn điện, nội quy an toàn giao thông, nội quy an toàn cháy nổ....

- Tổ chức theo dõi tai nạn lao động, xác định kịp thời nguyên nhân tai nạn và áp dụng các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm tránh xảy ra tai nạn tương tự.

- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân và tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1 Nguồn phát sinh nước thải

Cơ sở có 2 nguồn nước thải phát sinh là: nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn có dính xăng dầu, nhớt:

+ *Nước thải sinh hoạt*

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt của 05 cán bộ công nhân viên hoạt động và khách hàng vắng lai tại Cơ sở mỗi ngày là $1,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ *Nước thải từ hoạt động kinh doanh*

Nước mưa chảy tràn có dính xăng dầu, nhớt ước tính phát sinh $0,1 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

Tổng lưu lượng nước thải mỗi ngày của Cơ sở từ hoạt động sản xuất ước tính tối đa khoảng **$1,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$** .

1.2 Lưu lượng xả thải tối đa

- Tổng lưu lượng xin phép xả thải tối đa của Cơ sở là **$1,7 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$** , trong đó:

+ Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt là **$1,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$**

+ Lưu lượng nước mưa chảy tràn dính xăng dầu, nhớt **$0,1 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$**

1.3 Dòng nước thải

+ Dòng số 1: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên, khách hàng được xử lý tại bể tự hoại 03 ngăn sau đó thấm rút vào môi trường đất tại cơ sở.

+ Dòng số 2: Nước thải dính dầu xăng dầu, nhớt xử lý tại hố gạn dầu được chủ cơ sở vớt thủ công và xử lý như CTNH, sau đó tự thấm vào môi trường đất. Nước thải nhiễm xăng dầu chỉ có trong trường hợp gặp sự cố tràn dầu, tuy nhiên trường hợp bị sự cố là rất hiếm xảy ra.

1.4 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

Nước thải sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k=1, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Các thông số xác định chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý bao gồm: pH; BOD₅ (20⁰C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H₂S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliforms. Các chất ô nhiễm và giá trị các chất ô nhiễm trong dòng nước thải được trình bày chi tiết tại bảng sau:

Bảng 11. Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 14:2008/BTNMT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k=1
01	pH	-	5 - 9
02	BOD5	mg/l	50
03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
04	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/l	1000
05	Sunfua (tính theo H2S)	mg/l	4
06	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
07	Nitrat NO3- (tính theo N)	mg/l	50
08	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
09	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

Nước thải nhiễm xăng dầu sau xử lý bằng bể lắng tách xăng dầu đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 29:2010/BTNMT, cột B - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

Bảng 12. Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 29:2010/BTNMT

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 29:2010/BTNMT, cột B
1	pH	-	5,5 -9
2	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30
3	COD	mg/l	150
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	120

1.5 Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải

+ **Vị trí xả nước thải:** Khu phố 5, thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận

- Vị trí 1: Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại bể tự hoại của Cơ sở xả nước thải có hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108⁰30', múi chiếu 3⁰: X(m) = 1302994.8; Y(m) = 532465.1

- Vị trí 2: Nước thải nhiễm xăng dầu, nhớt sau xử lý tại hố gom dầu của Cơ sở xả nước thải có hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108⁰30', múi chiếu 3⁰: X(m) = 1303030.0; Y(m) = 532458.0

+ *Phương thức xả thải*: Nước thải sinh hoạt và nước thải có lẫn dầu (nếu có) sẽ được xả theo phương thức tự chảy tràn gián đoạn.

- *Chế độ xả nước thải*: Xả nước thải gián đoạn (khi có phát sinh).

+ *Nguồn tiếp nhận nước thải*: Môi trường đất khu vực cơ sở tại huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- *Nguồn phát sinh khí thải*

+ Nguồn 1: Từ máy phát điện dự phòng có công suất 8KVA khi hoạt động.

+ Nguồn 2: Từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở.

- *Vị trí và phương thức xả khí thải*

+ Vị trí theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3° : X(m) =1303007.3; Y(m) =532480.0

+ Phương thức xả thải: gián đoạn (khi mất lưới điện, rất ít khi xảy ra).

Những nguồn phát sinh bụi, khí thải này tại cơ sở mang tính cục bộ, phát sinh không thường xuyên. Đã được Cơ sở áp dụng các biện pháp để xử lý nhằm giảm thiểu khí thải phát tán ra môi trường xung quanh. Do đó, cơ sở không đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải tại Cơ sở.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1 Nguồn phát sinh

+ Nguồn số 1: Từ máy phát điện dự phòng công suất 8KVA khi hoạt động

+ Nguồn số 2: Từ các máy móc trong quá trình hoạt động sản xuất của Cơ sở và xe cộ ra vào Cơ sở.

3.2 Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ **Tiếng ồn:**

Bảng 13: Thông số tiếng ồn của Cơ sở

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn cho phép về tiếng ồn theo QCVN 26: 2010/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		

1	70	55	Theo kế hoạch của Cơ sở và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền	Khu vực thông thường
---	----	----	---	----------------------

+ **Độ rung:**

Bảng 14: Thông số độ rung của Cơ sở

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép theo QCVN 27: 010/BTNMT(dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Theo kế hoạch của Công ty và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền	Khu vực thông thường

3.3 Phương thức xử lý tiếng ồn, độ rung:

+ Máy phát điện được đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.

+ Thường xuyên kiểm tra định kỳ, bảo dưỡng các máy móc luôn trong tình trạng hoạt động tốt, chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị là 03 tháng/lần; tra dầu nhớt, bảo dưỡng hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho máy móc...

+ Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định.

+ Thường xuyên theo dõi, bảo trì kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ máy phát điện.

Do đó, Cơ sở không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

4. Nội dung cấp phép chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Bảng 15: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở (CTNH)

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
Hộp mực in thải nhiễm TPNH	08 02 04	0	Thu gom, phân loại lưu chứa và hợp đồng xử lý theo quy định	Hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển và xử lý
Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính	16 01 06	1		
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải từ quá trình bảo trì	17 02 03	0		
Vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu nhớt, bùn thải	18 02 01	3		
Sơn, chất kết dính chứa TPNH	16 01 09	0		
Tổng số lượng		4		

4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Bảng 16: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở

TT	CTRSH	Khối lượng (kg/ngày)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH
1	- Thức ăn thừa	2,0	Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại và Sản xuất Nam Thành Ninh Thuận
2	- Chai nhựa, túi ni lông, chai nước uống. - Giấy	1,0	Cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương
3	Các loại bao bì bánh kẹo, giẻ lau, áo quần cũ, các vật dụng sinh hoạt hư cũ thải bỏ, vỏ trái cây, vỏ rau củ...	2,0	Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại và Sản xuất Nam Thành Ninh Thuận
Tổng số lượng		5,0	

(Nguồn: Công ty)

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- **Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

+ Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa composite có nắp đậy, chứa có dung tích 20 lít và 50 lít, được dán nhãn, mã số chất thải nguy hại.

+ Khu vực lưu chứa: diện tích kho chứa CTNH: 2m², kết cấu: có mái che, nền được tráng vữa chống thấm nước, có gờ cao không để nước mưa chảy tràn cuốn theo chất thải nguy hại.

- **Biện pháp xử lý:** Lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật cho Cửa hàng xăng dầu Tân Sơn với tần suất 01 lần/năm. (hợp đồng được đóng kèm trong phần phụ lục)

4.2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- **Thiết bị lưu chứa:** Bố trí các thùng có nắp đậy với dung tích 10-50 lít

- **Biện pháp xử lý:** Các chất thải có thể tái chế thì thu gom phân loại bán cho các đơn vị thu mua phế liệu tại địa phương. Các chất thải hữu cơ không thể tái chế thì được thu gom và xử lý bởi đơn vị Công ty TNHH Xây dựng-Thương mại và Sản xuất Nam Thành Ninh Thuận.

4.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- **Đối với phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:**

+ Thực hiện đầy đủ các biện pháp về đảm bảo an ninh, an toàn PCCC theo phương án chữa cháy cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tại các vị trí dễ xảy ra cháy nổ đều được bố trí đầy đủ các trang thiết bị chữa cháy ban đầu. Thường xuyên nhắc nhở nhân viên và khách hàng chấp hành nghiêm túc nội quy PCCC.

+ Thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các trang thiết bị, máy móc.

+ Thường xuyên kiểm tra, rà soát các hệ thống điện, trụ bơm, hệ thống công nghệ nhằm khắc phục và sửa chữa kịp thời những thiết bị không đảm bảo chất lượng hoặc hư hỏng, đảm bảo sẵn sàng ứng cứu kịp thời các sự cố cháy, nổ ở ngay giai đoạn mới phát sinh.

- **Đối với tác động do sự cố tràn dầu:**

+ Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu theo nội dung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại Quyết định số 1582/QĐ-DKVN ngày 18/3/2024

đã được phê duyệt.

+ Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó, tổ chức ứng phó và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường. Tổ chức quán triệt và diễn tập các tình huống ứng phó sự cố tràn dầu đã xây dựng của cơ sở.

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ- CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Chương V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

1.1. Quan trắc định kỳ môi trường nước thải

* Kết quả quan trắc nước thải.

- Thời gian quan trắc: 22/12/2022; 13/12/2023

- Tần suất quan trắc: 01 năm/lần.

- Vị trí quan trắc nước thải:

+ 01 mẫu nước thải tại hố thu gom dầu nhớt.

* Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN:

Nước thải: QCVN 29:2010/BTNMT cột B - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và Cửa hàng xăng dầu.

* Kết quả quan trắc nước thải:

Kết quả quan trắc chất lượng nước thải hố thu gom dầu nhớt được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 17: Kết quả quan trắc nước thải tại cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN40: 2011/BTNMT, cột B
			Năm 2022	Năm 2023	
1	pH	-	6,62	7,23	5,5 -9
2	Dầu mỡ khoáng	mg/l	2,0	3,0	30
3	COD	mg/l	19,4	20,5	150
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	18,0	19,5	120

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Bình Thuận)

Nhận xét: Dựa vào kết quả phân tích các chỉ tiêu trong mẫu nước thải cho thấy: Nước thải số các chỉ tiêu phân tích đều đạt so với QCVN 29:2010/BTNMT cột B.

1.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Theo khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì Cơ sở thuộc loại hình không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động. Do vậy, trong nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Cơ sở không đề cập đến nội dung quan trắc nước thải liên tục, tự động.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

* Kết quả quan trắc không khí xung quanh

- Thời gian quan trắc: 22/12/2022; 13/12/2023

- Tần suất quan trắc: 01 năm/lần.

- Vị trí quan trắc không khí.

+ 01 mẫu không khí tại khu vực trụ bơm.

* Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN:

Không khí: QCVN 05-MT:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

* Kết quả quan trắc

Kết quả quan trắc chất lượng không khí được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 18: Kết quả quan trắc mẫu khí thải xung quanh khu vực trụ bơm

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả năm 2022	Kết quả năm 2023	QCVN 05-MT:2023/BTNMT
1	Bụi	µg/l	0,18	0,12	300
2	CO	µg/l	6,80	6,80	30.000
3	SO ₂	µg/l	0,09	0,09	350
4	NO ₂	µg/l	0,07	0,07	200
5	Benzen	µg/l	KPH	KPH	22
6	Xylene	µg/l	KPH	KPH	1000
7	Toluene	µg/l	KPH	KPH	500

(Nguồn: Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Bình Thuận)

Ghi chú: (KPH: Không phát hiện)

Nhận xét: Dựa vào kết quả phân tích cho thấy chất lượng không khí của Cơ sở đều nằm trong quy chuẩn cho phép QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở

Theo quy định tại khoản 3, Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường; điểm d, khoản 1, Điều 31- Nghị định 08/2022/ND-CP Cơ sở không thuộc diện phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Hàng năm Cơ sở đã thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi về UBND huyện Ninh Sơn để theo dõi và giám sát.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

+ Quan trắc nước thải định kỳ

Căn cứ khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với nước thải.

+ Quan trắc khí thải định kỳ

Căn cứ khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì dự Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với khí thải.

*** Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải CNTT, CTNH**

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa chất thải.
- Chỉ tiêu giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Theo khoản 2, Điều 58 và khoản 1, Điều 71 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cụ thể:

+ Thường xuyên thống kê, phân loại, theo dõi, giám sát tổng lượng thải chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở.

+ Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật đánh giá và ghi nhận kết quả để làm Cơ sở báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường cuối năm theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 và gửi báo cáo về Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Phan Thiết để theo dõi, quản lý.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

+ Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Căn cứ khoản 1 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

+ Quan trắc khí thải liên tục, tự động

Căn cứ khoản 1 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải công nghiệp.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ Cơ sở

Không có

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Do cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc tự động, liên tục chất thải theo hằng năm nên không có kinh phí thực hiện quan trắc môi trường.

Chương VII

KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chấp hành tốt các biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật. Trong 2 năm gần nhất, Cơ sở không thuộc diện thanh kiểm tra về môi trường và không có đoàn thanh, kiểm tra về môi trường đối với Cơ sở. Do đó trong báo cáo không trình bày nội dung này.

Chương VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận cam kết bảo đảm về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cửa hàng xăng dầu Tân Sơn là đúng sự thật. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận - cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

- Về thu gom và xử lý nước thải

Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh.

Xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Cơ sở đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Về thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Cơ sở cam kết thường xuyên thu gom rác đảm bảo vệ sinh môi trường, không làm ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 01 tháng 01 năm 2022 của Bộ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Về thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Cam kết khắc phục, giảm thiểu sự cố:

+ Cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ, sự cố

tai nạn lao động và các biện pháp giảm thiểu sự cố khác như đã đề ra.

+ Cam kết thu gom, phân loại và thuê đơn vị đủ chức năng để xử lý các loại CTRSH, chất thải rắn sản xuất và CTNH phát sinh, bảo đảm tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

+ Cam kết chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở. Cam kết định kỳ lập báo cáo về công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo đúng quy định./.

+ Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

PHỤ LỤC